

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 25/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 9/5/2025

V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Nhung.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Tiến và bà Phạm Thị Lan

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Vân Anh- Thư ký Toà án nhân dân thành phố Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Vân Anh- Kiểm sát viên.

Ngày 9/5/2025, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 109/2025/TLST-HNGĐ ngày 24/02/2025 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 08/4/2025 và quyết định hoãn phiên tòa số 30 ngày 23/4/2025, giữa:

- Nguyên đơn: Chị **Lê Thị Kim O**, sinh năm 2001.

ĐKTT: Thôn T, xã A, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

Địa chỉ hiện ở: Thôn Đ, xã Đ, huyện N, tỉnh Hải Dương. (vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt)

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Phúc T**, sinh năm 2000.

Địa chỉ: Thôn T, xã A, thành phố H, tỉnh Hải Dương. (vắng mặt)

- Người làm chứng: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1961; địa chỉ: Thôn T, xã A, thành phố H, tỉnh Hải Dương. (vắng mặt, đề nghị giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn xin ly hôn và lời khai của nguyên đơn thể hiện: Chị Lê Thị Kim O và anh Nguyễn Phúc T kết hôn vào ngày 02/11/2022 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, thành phố H. Trong quá trình chung sống, vợ chồng hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau. Vợ chồng chị đã sống ly thân từ ngày 17/01/2025 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị nhận thấy không còn tình cảm với anh T nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh T để hai bên ổn định cuộc sống.

Về con chung, tài sản chung, công sức, nợ chung: không có nên chị không yêu cầu giải quyết.

* *Đối với bị đơn là anh Nguyễn Phúc T:* Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng và nhiều lần triệu tập hợp lệ nhưng anh T không đến Tòa án làm việc cũng như không có văn bản thể hiện quan điểm đối với yêu cầu xin ly hôn của chị O.

* *Lời khai của người làm chứng là ông Nguyễn Văn H (ông ngoại của anh T) thể hiện:* Sau khi kết hôn, anh T và chị O ở cùng nhà ông, anh chị không có công việc, thu nhập ổn định, vợ chồng ông thương các cháu nên không yêu cầu các cháu đóng góp gì, thậm chí có lần anh T còn xin ông bà tiền chi tiêu cho hai vợ chồng. Khoảng năm 2022-2023, ông thấy anh chị cãi chửi nhau, chị O về nhà bố mẹ đẻ ở mấy ngày sau lại quay về nhưng vợ chồng anh chị vẫn cãi nhau và không có việc làm. Vợ chồng ông rất mệt mỏi với cả hai anh chị. Mẹ đẻ anh T ở nước ngoài cũng muốn vun đắp hạnh phúc cho anh chị nhưng không được. Khi anh T biết bị gia đình chị O thuê người theo dõi, anh T chửi chị O suốt đêm. Tháng 01/2025, chị O bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở và vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay không quan tâm đến nhau. Nay chị O xin ly hôn anh T, ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Anh T, chị O không có con chung.

* *Kết quả xác minh tại địa phương thể hiện:* Chị Lê Thị Kim O và anh Nguyễn Phúc T là vợ chồng, kết hôn và sinh sống tại nhà ông bà ngoại của anh T là ông Nguyễn Văn H ở thôn T, xã A, thành phố H. Anh T và chị O không có công việc, thu nhập ổn định, hiện không có con chung. Sau khi kết hôn, anh chị có mâu thuẫn dẫn đến sống ly thân nhau. Địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt.

Đại diện VKSND thành phố Hải Dương phát biểu ý kiến: Xác định Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, đúng thời hạn tố tụng, trong quá trình giải quyết xét xử tại phiên tòa đã tuân theo đúng trình tự tố tụng. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn không chấp hành quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về giải quyết vụ án: Áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 227, 228, 229, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Về quan hệ hôn nhân, đề nghị xử chị Lê Thị Kim O ly hôn anh Nguyễn Phúc T; Về án phí: Chị O phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội

đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Lê Thị Kim O khởi kiện xin ly hôn anh Nguyễn Phúc T nên xác định tranh chấp cần giải quyết trong vụ án là quan hệ “ly hôn” theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn là anh Nguyễn Phúc T có nơi cư trú tại thôn T, xã A, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND thành phố Hải Dương theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, nguyên đơn, người làm chứng vắng mặt nhưng trước đó họ đã đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt họ. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn, người làm chứng theo quy định tại Điều 227, 228, 229 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị O và anh T có đăng ký kết hôn tại UBND xã A, thành phố H, tỉnh Hải Dương trên cơ sở tự nguyện nên là hôn nhân hợp pháp. Trong thời gian chung sống, vợ chồng chị O đã xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do vợ chồng có nhiều bất đồng quan điểm; thiếu sự quan tâm, chia sẻ, tôn trọng nhau nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Đến tháng 01/2025, cuộc sống chung đã chấm dứt, anh chị sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, giấy triệu tập cho bị đơn nhưng anh T đều vắng mặt không có lý do, cũng không gửi văn bản thể hiện quan điểm của anh đối với yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị O chứng tỏ anh T có ý thức bỏ mặc, không quan tâm đến cuộc hôn nhân của anh chị. Như vậy có căn cứ cho thấy mâu thuẫn vợ chồng chị O đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử chị O ly hôn với anh T là phù hợp với quy định của Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị O và anh T không có con chung nên không đặt ra vấn đề xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, công sức, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy HĐXX không xem xét.

[3]. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 229, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử chị Lê Thị Kim O ly hôn anh Nguyễn Phúc T.
2. Về án phí: Chị Lê Thị Kim O phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (ly hôn), đối trừ vào số tiền 300.000 đồng chị O đã nộp theo biên lai thu số 0001130 ngày 19/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Dương, chị O đã thực hiện xong nghĩa vụ về án phí.
3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
 - VKSND TP Hải Dương;
 - Chi cục THADS TP Hải Dương;
 - UBND xã An Thượng, TP Hải Dương
- để ghi vào sổ hộ tịch (CNKH số 60 ngày 02/11/2022);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Nhung